TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN A
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2019/DS-ST
Ngày: 17/6/2019
Vụ án "T/C hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công N
2. Ông Nguyễn Văn M

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ An T, Thư ký tòa án nhân dân Quận A.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị B T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2018/TLST- DS, ngày 13 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng Vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/QĐST-DS, ngày 12/6/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Ông **La Thuận L**, sinh năm 1954

Địa chỉ: 67, Ngô Quyền, phường An Cư, Quận A, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: 93, Phạm Ngọc Thạch, phường Cái Khế, Quận A, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

2. Bà **La Thụy Tuyết Nh**, sinh năm 1983

Địa chỉ: 15/45/24B, Hoàng Văn Thụ, phường A, Quận A, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

3. Bà **Giang Ngọc Lh**, sinh năm 1929

Địa chỉ: 53/9, Hoàng Văn Thụ, phường A, Quận A, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

4. Ông **Lê A**, sinh năm 1951

Địa chỉ: 108, Hùng Vương, phường TB, Quận A, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của tất cả nguyên đơn: Ông **Trần Văn S**, theo giấy ủy quyền ngày 18/12/2017.

Địa chỉ: số 10, K9C, tổ 6, khu vực 4, phường An Bình, Quận A, thành phố

Cần Thơ. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970

Địa chỉ: 84/30D, Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, Quận A, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Nguyễn Thanh D**, sinh năm 1975

Địa chỉ: 84/30D, Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, Quận A, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2017, tờ tự khai ngày 31/8/2018 các nguyên đơn ông La Thuận L, bà La Thụy Tuyết Nh, ông Lê A và bà Giang Ngọc Lh trình bày: Vào cuối năm 2014 đầu năm 2015, các nguyên đơn có cho bị đơn là bà Nguyễn Thị H mượn một số tiền 155.000.000 đồng. Mục đích cho mượn là để bà H để làm lò bún. Vay không tính lãi xuất. Cụ thể từng người như sau:

- Mượn ông La Thuận L 40.000.000 đồng
- Mượn bà La Thụy Tuyết Nh 60.000.000 đồng
- Mượn ông Lê A 35.000.000 đồng
- Mượn bà Giang Ngọc Lh 20.000.000 đồng

Thời hạn trả là cuối năm 2015.

Đến hẹn, bà H lần lựa né tránh việc trả nợ. Ngày 06/3/2017, bà H viết tờ cam kết thừa nhận có nợ các nguyên đơn như trên. Hứa đến tháng 10/2017 sẽ trả nợ đúng hẹn. (Trong tờ cam kết có thừa nhận nợ anh Trần Văn Phúc 15.000.000 đồng. nhưng ông Phúc không có yêu cầu trong vụ kiện này).

Do bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận, ngày 09/12/2017 các nguyên đơn làm đơn khởi kiện. Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả lại cho các nguyên đơn số tiền đã mượn 155.000.000 đồng như liệt kê trên. Không yêu cầu tính lãi phát sinh.

Đại diện hợp pháp của các nguyên đơn xác định: Chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả lại số tiền đã vay. Không yêu cầu trách nhiệm liên đới của ông Nguyễn Thanh D, là chồng bà H.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp cho các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Giữ nguyên lời trình bày không yêu cầu tính lãi xuất của số tiền vay.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh D: Trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt. Không làm bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của các nguyên đơn. Cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Vụ án không thể tiến hành hòa giải. Tòa án đã thực hiện các thủ tục theo quy định và đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án gồm có cam kết trả nợ ngày 06/3/2017 và biên bản hòa giải ngày 19/10/2017. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 155.000.000đ, cụ thể trả ông L 40.000.000đ, bà Nh 60.000.000đ, ông An 35.000.000đ và bà Lh 20.000.000đ. Về án phí, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:* Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay theo tờ cam kết ngày 06/3/2017. Bị đơn bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại Quận A. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận A, thành phố Cần Thơ theo Điều 26 và Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Nguyễn Thị H và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh D, đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án. Nhưng bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan vẫn liên tục vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi.

Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xác định như sau:

- Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền L và nghĩa vụ liên quan: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hợp công khai chứng cứ và hòa giải; kết quả phiên hợp công khai chứng cứ và các quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nhưng vắng mặt không lý do. Không trình bày ý kiến hay có văn bản nào thể hiện sự phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và các tài liện do các nguyên đơn cung cấp.

Tại Tờ cam kết ngày 06/3/2017 và Biên bản hòa giải cơ sở ngày 19/10/2017 đều thể hiện sự thừa nhận của bị đơn về việc có mượn tiền các nguyên đơn. Bị đơn tự viết và ký tên vào các văn bản này. Bị đơn là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Đã tự ghi lại tờ cam kết thừa nhận có nợ tiền, số tiền nợ

như tại đơn khởi kiện các nguyên đơn yêu cầu, và cam kết sẽ trả nợ vào tháng 10/2017. Đại diện hợp pháp cho các nguyên đơn thừa nhận tất cả nội dung trên là đúng và có thật. Do vậy, có cơ sở xác định nội dung trong bản cam kết ngày 6/3/2017 là có thật và được cả hai bên thừa nhận.

Tuy nhiên tại tờ cam kết, ngày 06/3/2017, bị đơn ghi "Tôi có nợ ông La Thuận L với số tiền 40.000.000, bốn mươi triệu đồng chẵn, La thị tiết Nh 60.000.000 sáu chục triệu chẵn.

Lê A còn lại 35.000.000 3 mươi lăm triệu chẵn.

Chị Dang thị Lh 20.000.000 hai chục triệu chẵn

Anh Trần văn Phúc 15.000.000 mười lăm triệu chẵn, tôi hứa tháng 10-2017 tôi cam kết tôi sẽ trả đúng hẹn"

Thấy rằng, tại tờ cam kết bị đơn ghi "Dang thị Lh và La thị tiết Nh" có sự không thống nhất về tên gọi của bà Giang Ngọc Lh và bà La Thụy Tuyết Nh.

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 19/10/2017, tại Nhà thông tin KV6, phường Cái Khế, Quận A, có xác nhận của UBND phường Cái Khế. Về thành phần tham dự và nội dung hòa giải là tranh chấp tiền vay, số tiền và họ tên của nguyên đơn, bị đơn đúng như tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2017, là ông La Thuận L; bà La Thụy Tuyết Nh; ông Lê A; bà Giang Ngọc Lh. Bà H có thừa nhận nợ và ký, ghi họ tên vào biên bản.

Từ biên bản hòa giải ngày 19/10/2017, có căn cứ để xác định bà Giang Ngọc Lh chính là "Dang thị Lh" và bà La Thụy Tuyết Nh, chính là "La thị tiết Nh" tại tờ cam kết trả nợ.

Xét thỏa thuận mượn tiền của các đượng sự: Tổng số tiền bị đơn mượn các nguyên đơn, là 155.000.000 đồng, cụ thể: Nợ ông L 40.000.000 đồng; Nợ bà Nh 60.000.000 đồng; Nợ ông An 35.000.000 đồng; Nợ bà Lh 20.000.000 đồng. Cam kết đến tháng 10/2017 sẽ trả hết nợ. Hai bên không thỏa thuận về lãi xuất. Như vậy, theo tờ cam kết, hai bên đã thống nhất kéo dài thời hạn thực hiện hợp đồng vay nêu trên, để bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến tháng 10/2017, là kết thúc hợp đồng. Đây cũng là thời điểm Bộ luật dân sự 2015 đã có hiệu lực. Nên căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

Căn cứ vào lời trình bày của đại diện hợp pháp cho các nguyên đơn và các chứng cứ tại hồ sơ. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Ông Nguyễn Thanh D, là chồng của bị đơn. Ông D đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt. Các nguyên đơn xác định không yêu cầu ông D có trách nhiệm liên đới trả nợ với bị đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm của ông Nguyễn Thanh D trong vụ kiện này.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho các nguyên đơn.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 466, Điều 468 và Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông La Thuận L, bà La Thụy Tuyết Nh, ông Lê A và bà Giang Ngọc Lh về "Tranh chấp hợp đồng vay" đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị H.

2. Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị H phải trả cho các nguyên đơn tổng số tiền 155.000.000 đồng, cụ thể:

- Trả ông La Thuận L 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng
- Trả bà La Thụy Tuyết Nh 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng
- Trả ông Lê A 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng
- Trả bà Giang Ngọc Lh 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các nguyên đơn:

Ông La Thuận L được nhận lại 1.000.000 (một triệu) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007508, ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

Bà La Thụy Tuyết Nh được nhận lại 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007509, ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

Bà Giang Ngọc Lh được nhận lại 500.000 (năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007507, ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

Ông Lê A được nhận lại 875.000 (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007510, ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

5. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND Quận A;
- Chi cục THADS Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị TL

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh